

**DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG ĐẤT
ĐẾN NĂM 2030 HUYỆN TÂN PHÚ**

Thứ tự	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích (ha)	Ghi chú
	1. Đất Quốc phòng			
1	Công trình phòng thủ địa phương	Phú Xuân	3,09	
2	Thao trường huấn luyện và trường bắn cho LLVT (mở rộng)	Phú Xuân	15,00	
3	Công trình phòng thủ huyện	Phú An	100,00	
4	Trung đội dân quân thường trực	TT. Tân Phú	0,20	
	2. Đất an ninh			
5	Công an thị trấn Tân Phú	TT. Tân Phú	0,08	
6	Đồn công an khu công nghiệp	TT. Tân Phú	0,17	
	3. Khu công nghiệp			
7	Khu công nghiệp Tân Phú (mở rộng)	TT. Tân Phú, Phú Lộc	300,00	
	4. Cụm công nghiệp			
8	Cụm CN Phú Bình	Phú Bình, Phú Trung	75,00	
	5. Đất thương mại dịch vụ			
	* Công trình Trung tâm TMDV			
9	Cơ sở thương mại dịch vụ (ấp 3)	Phú An	0,20	
10	Trạm dừng chân Phú Sơn (mở rộng - ấp Phú Lâm 1)	Phú Sơn	28,85	
11	Cơ sở thương mại - dịch vụ (khu phố 4)	TT. Tân Phú	2,49	
12	Khu Thương mại - Dịch vụ 2	TT. Tân Phú	1,57	
13	Khu Thương mại - Dịch vụ 2.1	TT. Tân Phú	0,08	
14	Khu Thương mại - Dịch vụ 2.2	TT. Tân Phú	0,05	
	* Công trình dịch vụ khác			
15	Hợp tác xã đan lát Lê Lợi (ấp 1)	Nam Cát Tiên	0,09	
16	Đất thương mại dịch vụ	Nam Cát Tiên	3,40	
17	Đất thương mại dịch vụ Phú Điền 1	Phú Điền	2,78	
18	Đất thương mại dịch vụ Phú Điền 2	Phú Điền	4,07	
19	Đất thương mại dịch vụ Phú Thanh	Phú Thanh	4,10	
20	Đất thương mại dịch vụ (ấp 3)	Phú An	0,20	
21	Khu kinh doanh dịch vụ - Hồ bơi (ấp Phú Dũng)	Phú Bình	0,10	
22	Hợp tác xã (ấp Phú Hợp A)	Phú Bình	0,01	
23	Văn phòng HTX Phú Lâm (ấp Thanh Thọ)	Phú Lâm	0,05	
24	Văn phòng HTX Phú Lập (ấp 4)	Phú Lập	0,01	
25	Văn phòng HTX Phú Thịnh (ấp 2)	Phú Thịnh	0,25	
26	HTX dịch vụ nông nghiệp Phú Sơn (ấp Phú Lâm 2)	Phú Sơn	0,01	

Thứ tự	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích (ha)	Ghi chú
27	Đất thương mại dịch vụ	Phú Sơn	0,19	
28	Nhà đón khách cộng đồng (ấp 4)	Tà Lài	0,74	
29	Đất thương mại dịch vụ Tà Lài	Tà Lài	0,08	
30	Trung tâm viễn thông Viettel (khu phố 7)	TT. Tân Phú	0,07	
	* Khu du lịch			
31	Điểm du lịch sinh thái Hàng Ngang (ấp 3)	Phú Thịnh	2,71	
32	Khu du lịch sinh thái Hồ Đa Tôn	Phú Xuân, Thanh Sơn	892,39	
33	Khu du lịch, biệt thự nghỉ dưỡng Suối Mơ	Trà Cỏ, Phú Điền, Phú Thanh	153,40	
34	Khu du lịch sinh thái	Phú Điền	13,00	
	* Trạm xăng dầu			
35	Trạm xăng dầu ấp 4	Nam Cát Tiên	0,07	
36	Trạm xăng dầu (đường đi Phú Xuân - ấp 2)	Núi Tượng	0,11	
37	Trạm xăng dầu ấp 4	Phú An	0,13	
38	Trạm xăng dầu ấp Phú Hợp B	Phú Bình	0,13	
39	Trạm xăng dầu (khoảng Km 136-138 Quốc lộ 20 - ấp Phú Lâm 2)	Phú Sơn	0,10	
40	Trạm xăng dầu (ấp Bàu Chim trên đường Phú Xuân - Núi Tượng)	Phú Xuân	0,09	
41	Trạm xăng dầu	Phú Xuân	0,10	
42	Trạm xăng dầu (đường Tà Lài-Nam Cát Tiên - ấp 5)	Tà Lài	0,05	
43	Trạm xăng dầu (ấp Thanh Trung)	Thanh Sơn	0,12	
44	Trạm xăng dầu (ấp 5)	Trà Cỏ	0,07	
45	Trạm xăng dầu (khu phố 4)	TT. Tân Phú	0,08	
	6. Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp			
46	Cụm sản xuất phi nông nghiệp (ấp 1)	Đắc Lua	2,90	
47	Cơ sở sản xuất kinh doanh 1 (ấp 2)	Phú An	0,50	
48	HTX TTCN Nam Cát Tiên (ấp 3)	Phú An	0,90	
49	Khu sơ chế mủ cao su (ấp 4)	Phú An	2,80	
50	Cơ sở sản xuất kinh doanh 1 (ấp 5)	Phú Điền	2,65	
51	Cơ sở sản xuất kinh doanh 2	Phú Điền	0,40	
52	Cơ sở sản xuất kinh doanh 3 (ấp 5)	Phú Điền	7,50	
53	Cơ sở sản xuất kinh doanh (ấp Phương Mai)	Phú Lâm	4,15	
54	Bãi xây đá (ấp 2)	Phú Lộc	1,52	
55	Cơ sở sản xuất kinh doanh (ấp 2)	Phú Lộc	0,10	
56	Cơ sở sản xuất gạch không nung (ấp Phú Lâm 2)	Phú Sơn	0,29	
57	Cơ sở sản xuất kinh doanh (ấp Phú Lâm 4)	Phú Sơn	2,89	
58	Cơ sở sản xuất kinh doanh (ấp Ngọc Lâm 2)	Phú Thanh	1,59	

Thứ tự	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích (ha)	Ghi chú
59	Bãi tập kết Vật liệu xây dựng (ấp 1)	Phú Thịnh	0,07	
60	Cơ sở may mặc (ấp Phú Thắng)	Phú Trung	0,17	
61	Khu chế biến nông sản (ấp 1)	Tà Lại	0,20	
62	Công ty nước Tân Định	TT. Tân Phú	0,09	
63	Cơ sở SX nước đá	TT. Tân Phú	0,13	
	* Điểm giết mổ tập trung			
64	Điểm giết mổ vệ tinh (ấp Phương Mai)	Phú Lâm	1,79	
65	Điểm giết mổ vệ tinh (ấp 5)	Phú Điền	0,20	
66	Điểm giết mổ vệ tinh (ấp 1)	Tà Lại	0,20	
67	Điểm giết mổ vệ tinh (ấp 5)	Phú Lộc	1,00	
	7. Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản			
68	Than bùn Phú Sơn - (TP.TB1-3; TP.TB2-3)	Phú Sơn	9,00	
	8. Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm			
	* Khai thác sét gạch ngói			
69	Khu thăm dò khai thác sét gạch ngói - TP.S1-3 (ấp 4)	Nam Cát Tiên	10,00	
70	Khu khai thác sét gạch ngói xã Phú An - TP.S2-3 (ấp 3)	Phú An	10,00	
	* Vật liệu san lấp			
71	Khu khai thác VLSL Đắc Lua	Đắc Lua	3,70	
72	Khu khai thác VLSL - TP.VS14-3 (ấp 4)	Nam Cát Tiên	6,90	
73	Khu khai thác VLSL chùa Phước Tượng - TP.VS1-3 (ấp 1)	Núi Tượng	1,87	
74	Khu khai thác VLSL - TP.VS12-3 (ấp Phú Lâm 2)	Phú Sơn	10,00	
75	Khu khai thác VLSL - TP.VS16-3 (ấp Ngọc Lâm 2)	Phú Thanh	3,14	
76	Khu khai thác VLSL - TP.VS7-3 (ấp Phú Lợi)	Phú Trung	1,50	
77	Khu khai thác VLSL Đồi 300 - TP.VS4-3 (ấp Bàu Chim)	Phú Xuân	5,20	
78	Khu khai thác VLSL Khu vực Láng Bó - (TP.VS3-3)	Tà Lại, Phú Thịnh	10,00	
79	Khu khai thác VLSL Phú Lập	Phú Lập	20,00	
80	Khu khai thác VLSL Phú Thịnh	Phú Thịnh	4,50	
	9. Đất phát triển hạ tầng			
	9.1. Đất cơ sở văn hóa			
81	Trung tâm VH-TT xã (khu đa năng)	Núi Tượng	1,20	
82	Nhà lưu niệm đoàn 600 (ấp 2)	Phú An	0,60	
83	Trung tâm VH-TT xã (mở rộng)	Phú An	0,08	

Thứ tự	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích (ha)	Ghi chú
84	Nhà văn hóa đồng bào dân tộc (ấp Phú Hợp A)	Phú Bình	0,03	
85	Trung tâm VH-TT xã	Phú Lâm	0,69	
86	Trung tâm VH-TT xã	Phú Sơn	0,78	
87	Trung tâm VH-TT xã	Phú Thịnh	0,50	
88	Trung tâm VH-TT xã	Phú Xuân	0,15	
89	Trung tâm VH-TT ấp 4	Tà Lại	0,30	
90	Trung tâm VH-TT xã	Tà Lại	0,69	
91	Trung tâm VH-TT xã (mở rộng)	Thanh Sơn	0,80	
92	Đài phát thanh truyền hình (mở rộng)	TT. Tân Phú	0,05	
	9.2. Đất cơ sở y tế			
	* Bệnh viện, Trung tâm y tế			
93	Trung tâm y tế dự phòng huyện Tân Phú (mở rộng)	TT. Tân Phú	1,13	
	* Trạm y tế			
94	Trạm y tế xã	Phú Bình	0,12	
95	Trạm y tế xã	Phú Lâm	0,19	
96	Trạm y tế xã	Phú Lập	0,10	
97	Trạm y tế xã (mở rộng)	Phú Lộc	0,15	
98	Trạm y tế xã	Phú Sơn	0,04	
99	Trạm y tế xã	Phú Thịnh	0,16	
100	Trạm y tế xã	Phú Trung	0,07	
101	Trạm y tế thị trấn (QH mới)	TT. Tân Phú	2,36	
	9.3. Đất cơ sở Giáo dục đào tạo			
	* Trung tâm giáo dục thường xuyên, dạy nghề			
102	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - GDTX	TT. Tân Phú	0,38	
103	Cơ sở dạy nghề tổ hợp Giáo xứ Kim Lân	Phú Trung	0,89	
	* Trường Trung học Phổ thông			
104	Trường THPT Đắc Lua (mở rộng)	Đắc Lua	1,00	
105	Trường THPT Thanh Bình	Phú Bình	1,70	
106	Trường THPT Quy hoạch mới	TT. Tân Phú	1,27	
107	Trường dân tộc nội trú liên huyện (Mở rộng)	TT. Tân Phú	0,19	
108	Trường THPT Đoàn Kết (Mở rộng)	TT. Tân Phú	0,17	
	* Trường Trung học Cơ sở			
109	Trường THCS Phú An (mở rộng)	Phú An	0,75	
110	Trường THCS Hòa Bình (mở rộng)	Phú Lập	1,42	
111	Trường THCS Phương Lâm (mở rộng)	Phú Thanh	1,17	
112	Trường THCS Phú Thịnh (mở rộng)	Phú Thịnh	0,53	
113	Trường THCS Trường Chinh (mở rộng)	Thanh Sơn	0,77	

Thứ tự	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích (ha)	Ghi chú
114	Trường THCS Trà Cỏ (mở rộng)	Trà Cỏ	0,76	
115	Trường THCS QH mới 13	TT. Tân Phú	3,13	
116	Trường THCS Phú Lâm mở rộng	Phú Lâm	0,20	
	* Trường Tiểu học			
117	Trường TH Phú Lâm (mở rộng)	Phú Lâm	0,40	
118	Trường TH Phù Đồng (mở rộng)	Phú Lâm	0,50	
119	Trường TH Phú Lập (mở rộng)	Phú Lập	0,60	
120	Trường TH Nguyễn Du (mở rộng)	Phú Sơn	1,78	
121	Trường TH Kim Đồng (mở rộng)	Phú Thịnh	1,50	
122	Trường TH Phú Trung (mở rộng)	Phú Trung	0,14	
123	Trường TH Nguyễn Thị Định (mở rộng)	TT. Tân Phú	1,22	
124	Trường TH Phạm Văn Đồng mở rộng	Phú Lộc	0,30	
	* Trường mầm non			
125	Trường MN Phú An (mở rộng)	Phú An	0,20	
126	Trường MN Phú Lâm	Phú Lâm	0,68	
127	Trường MN Phú Lập (mở rộng)	Phú Lập	0,91	
128	Trường MN Phú Lộc (mở rộng)	Phú Lộc	0,85	
129	Trường MN ấp 7	Phú Thịnh	0,58	
130	Trường MN Phú Trung	Phú Trung	0,93	
131	Trường MN Phú Xuân	Phú Xuân	0,24	
132	Trường MN Thanh Sơn (mở rộng)	Thanh Sơn	0,77	
133	Trường MN Quy hoạch mới 7	TT. Tân Phú	0,90	
134	Trường MN Quy hoạch mới 8	TT. Tân Phú	0,90	
135	Trường MN Quy hoạch mới 9	TT. Tân Phú	0,86	
136	Trường MN Đabongkua	Đắc Lua	0,14	
	9.4. Đất cơ sở thể dục thể thao			
137	Trung tâm thể dục thể thao (ấp Phú Tân)	Phú Bình	0,70	
138	Trung tâm Thể dục - Thể thao (ấp 1)	Phú Lộc	0,87	
139	Khu thể thao xã (ấp 2)	Phú Lập	2,13	
140	Khu thể thao xã (ấp Thọ Lâm 2)	Phú Thanh	1,16	
141	Khu thể thao xã (ấp Phú Lợi)	Phú Trung	1,00	
142	Khu thể thao ấp 3	Núi Tượng	0,20	
143	Khu thể thao ấp 1	Phú An	0,18	
144	Khu thể thao ấp 2	Phú Thịnh	0,11	
145	Khu thể thao	Phú Thịnh	1,17	
146	Khu thể thao ấp 5	Tà Lại	0,14	
147	Khu thể thao ấp 3	Tà Lại	0,10	
	9.5. Đất cơ sở khoa học và công nghệ			

Thứ tự	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích (ha)	Ghi chú
148	Giếng khoan quan trắc (TD45, TD47, TD48, TD55, TD56, TD59)	Các xã	0,10	
	9.6. Đất giao thông			
	a. Sân bay, bến, cảng, cầu			
149	Bến xe (ấp 4)	Phú Lập	0,48	
150	Bến xe (ấp 4)	Phú Điền	0,25	
151	Bến xe (ấp 1)	Đắc Lua	0,20	
152	Bến thủy nội địa	Đắc Lua	0,41	
153	Cầu Suối Đức	Trà Cỏ	0,15	
154	Cầu vào Vườn Quốc gia Cát Tiên	Nam Cát Tiên	0,55	
	b. Đường cấp Quốc gia, cấp Tỉnh			
155	Cao tốc Dầu Giây - Liên Khương - Đà Lạt	Phú Điền, Phú Thanh, Phú Lâm, Phú Bình, Phú Trung, Phú Sơn, Phú An	352,83	
156	Quốc lộ 20 (mở rộng)	TT. Tân Phú, Phú Thanh, Phú Xuân, Phú Lâm, Phú Bình, Phú Trung, Phú Sơn, Phú An	104,45	
157	Đường ĐT 774B (Đường Tà Lài - Trà Cỏ)	Phú Điền, Trà Cỏ, Phú Lộc, Phú Thịnh, Phú Lập, Núi Tượng, Nam Cát Tiên	151,64	
158	Đường ĐT 774	Phú Bình	19,49	
	c. Đường cấp Huyện			
159	Đường Bắc Quốc lộ 20	Phú Xuân, Thanh Sơn, Phú Lâm, Phú Bình, Phú Trung	23,69	
160	Đường Núi Tượng - Nam Cát Tiên	Núi Tượng, Nam Cát Tiên	9,66	
161	Đường Phú Lâm - Phú Bình	Phú Lâm, Phú Bình	13,88	
162	Đường Phú Lâm - Thanh Sơn (mở rộng)	Phú Lâm	1,41	
163	Đường Phú Lộc - Phú Tân (mở rộng)	Phú Lộc	7,79	
164	Đường Phú Thịnh - Phú An (mở rộng)	Phú Thịnh, Phú An, Núi Tượng	19,07	
165	Đường Phú Xuân - Núi Tượng (mở rộng)	Phú Xuân, Phú Thịnh, Phú lộc	28,51	

Thứ tự	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích (ha)	Ghi chú
166	Đường Phú Xuân - Phú Lộc (mở rộng)	Phú Xuân, Phú Lộc	29,25	
167	Đường Phú Xuân - Thanh Sơn - Phú An (mở rộng)	Phú Xuân, Thanh Sơn, Phú An	41,34	
168	Đường Thị Trấn - Trà Cỏ (mở rộng)	TT. Tân Phú, Trà Cỏ	9,28	
169	Đường Trà Cỏ - Phú Lâm	Trà Cỏ, Phú Thanh, Phú Lâm, Phú Bình	21,76	
170	Đường Trà Cỏ (mở rộng)	Phú Điền	6,45	
171	Đường Tà Lài (mở rộng)	Tà Lài	10,93	
172	Đường Năm Tấn (mở rộng)	Phú Lâm	10,50	
173	Đường Đắc Lua (mở rộng)	Đắc Lua	40,74	
174	Đường 600B (mở rộng)	Phú An	28,32	
175	Đường Nam Cát Tiên - Phú An (mở rộng)	Phú An	13,15	
176	Đường Năm Ruồi (mở rộng)	Phú Lộc	24,00	
177	Đường Phú Trung - Phú An (mở rộng)	Phú Trung, Phú An	24,00	
178	Đường Lá Ủ (mở rộng)	Phú Bình	6,17	
179	Đường Thanh Sơn-Phú Lâm (mở rộng)	Thanh Sơn	8,48	
180	Đường Suối Mơ	Trà Cỏ	1,30	
181	Đường 323	Tà Lài	8,27	
182	Đường ấp 2	Đắc Lua	9,27	
183	Đường ấp 3 đi ấp 1	Đắc Lua	3,03	
184	Đường ấp 3	Đắc Lua	1,86	
185	Đường Bến phà ấp 1 vào ấp 3	Đắc Lua	3,11	
186	Đường nương nổi	Đắc Lua	2,01	
187	Đường số 3	Đắc Lua	2,05	
188	Đường số 4	Đắc Lua	0,90	
189	Đường số 5	Đắc Lua	1,00	
190	Đường WB 2	Đắc Lua	3,97	
191	Đường ra trạm bơm dã chiến ấp 2	Đắc Lua	0,04	
192	Đường ra trạm bơm ấp 4 - điểm 1	Đắc Lua	0,02	
193	Đường ra trạm bơm ấp 4 - điểm 1	Đắc Lua	0,02	
194	Đường ấp 7 Đabongkua	Đắc Lua	3,19	
195	Đường 600A	Nam Cát Tiên	2,91	
196	Đường ấp 3 đi ấp 5	Nam Cát Tiên	1,12	
197	Đường ấp 5	Nam Cát Tiên	2,23	
198	Đường liên xã Nam Cát Tiên - Núi Tượng (đoạn ấp 4)	Nam Cát Tiên	10,45	

Thứ tự	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích (ha)	Ghi chú
199	Đường Nam Cát Tiên - Phú An	Nam Cát Tiên	7,83	
200	Đường số 1 - ấp 1	Nam Cát Tiên	0,90	
201	Đường số 2 - ấp 1	Nam Cát Tiên	0,46	
202	Đường số 3 - ấp 1	Nam Cát Tiên	0,89	
203	Đường số 4 - ấp 1	Nam Cát Tiên	0,57	
204	Đường số 2 - ấp 2	Nam Cát Tiên	1,81	
205	Đường số 3 - ấp 2	Nam Cát Tiên	0,68	
206	Đường số 2 - ấp 3	Nam Cát Tiên	1,70	
207	Đường số 3 - ấp 3	Nam Cát Tiên	2,10	
208	Đường số 5 - ấp 3	Nam Cát Tiên	1,60	
209	Đường số 1 - ấp 4	Nam Cát Tiên	0,71	
210	Đường số 2 - ấp 4	Nam Cát Tiên	1,50	
211	Đường số 3 - ấp 4	Nam Cát Tiên	0,68	
212	Đường số 4 - ấp 4	Nam Cát Tiên	0,38	
213	Đường số 5 - ấp 4	Nam Cát Tiên	1,65	
214	Đường số 6 - ấp 4	Nam Cát Tiên	2,41	
215	Đường số 7 - ấp 4	Nam Cát Tiên	2,48	
216	Đường tổ 1 - ấp 5	Nam Cát Tiên	0,78	
217	Đường số 1 - ấp 5	Nam Cát Tiên	2,40	
218	Đường số 1 - ấp 5	Nam Cát Tiên	1,28	
219	Đường số 6 - ấp 5	Nam Cát Tiên	0,58	
220	Đường trục chính ấp 1	Nam Cát Tiên	0,80	
221	Đường từ cầu 200A đi ấp 2	Nam Cát Tiên	2,61	
222	Đường vào cầu Đạ Hoai ấp 5	Nam Cát Tiên	0,12	
223	Đường ông Cung - ông Lê (ấp 3)	Nam Cát Tiên	0,05	
224	Đường tổ 3 ấp 3 mở rộng	Nam Cát Tiên	0,20	
225	Đường 3 ấp 5	Nam Cát Tiên	0,17	
226	Đường nhánh đường số 5 ấp 4	Nam Cát Tiên	0,07	
227	Đường số 3 ấp 4 nối dài	Nam Cát Tiên	1,34	
228	Đường số 4 nối dài đến đường số 6 ấp 4	Nam Cát Tiên	0,53	
229	Đường từ nhà ông Tái	Nam Cát Tiên	0,23	
230	Đường hẻm gần cánh đồng lúa	Nam Cát Tiên	0,06	
231	Đường số 5 ấp 1 mở rộng	Nam Cát Tiên	0,17	
232	Đường ông Thoa đến suối Gấm mở rộng	Nam Cát Tiên	0,42	
233	Đường cặp đường 200A đi ấp 2	Nam Cát Tiên	0,67	
234	Đường nhà ông Công đến đường 600A	Nam Cát Tiên	0,17	
235	Đường ấp 1	Núi Tượng	2,90	
236	Đường ấp 2	Núi Tượng	1,19	
237	Đường ấp 3	Núi Tượng	6,10	

Thứ tự	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích (ha)	Ghi chú
238	Đường ấp 4	Núi Tượng	2,89	
239	Đường ấp 6	Núi Tượng	6,18	
240	Đường Bàu Mả	Núi Tượng	1,56	
241	Đường đi đập Suối Đá	Núi Tượng	1,99	
242	Đường liên ấp (mở rộng)	Núi Tượng	6,36	
243	Đường Nam Cát Tiên - Phú Lập	Núi Tượng	2,18	
244	Đường tránh Núi Tượng	Núi Tượng	5,91	
245	Đường ven đồi Yên Ngựa	Núi Tượng	0,53	
246	Đường ấp 3 đi xã Phú An	Phú An	2,35	
247	Đường 6A	Phú An	2,04	
248	Đường ấp 1	Phú An	0,53	
249	Đường Bằng Lăng	Phú An	4,52	
250	Đường nội đồng ấp 3	Phú An	0,25	
251	Đường ông Ba Vĩ	Phú An	5,30	
252	Đường tổ 1 ấp 2	Phú An	0,71	
253	Đường tổ 2 ấp 2	Phú An	0,99	
254	Đường vào nhà máy gạch	Phú An	0,11	
255	Đường vào trạm bơm ấp 3	Phú An	0,03	
256	Đường Bình Trung 1	Phú Bình	0,33	
257	Đường Bình Trung 2	Phú Bình	0,50	
258	Đường liên xã 01	Phú Bình	2,80	
259	Đường liên xã 02	Phú Bình	2,52	
260	Đường nghĩa địa số 6	Phú Bình	0,22	
261	Đường nội đồng (ấp Phú Hợp B)	Phú Bình	8,83	
262	Đường số 19	Phú Bình	0,32	
263	Đường số 21	Phú Bình	0,41	
264	Đường số 22	Phú Bình	1,61	
265	Đường số 24	Phú Bình	3,21	
266	Đường số 26	Phú Bình	0,31	
267	Đường số 9	Phú Bình	1,70	
268	Đường trục xã 02	Phú Bình	2,17	
269	Đường trục xã 03	Phú Bình	2,03	
270	Đường trục ấp số 1	Phú Điền	0,90	
271	Đường trục ấp số 2	Phú Điền	0,75	
272	Đường trục ấp số 3	Phú Điền	0,65	
273	Đường trục ấp số 6	Phú Điền	4,00	
274	Đường trục ấp số 8	Phú Điền	1,75	
275	Đường trục ấp số 9	Phú Điền	2,47	
276	Đường trục xã	Phú Điền	3,41	

Thứ tự	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích (ha)	Ghi chú
277	Đường liên ấp số 2	Phú Lâm	2,37	
278	Đường liên xã Phú Thanh - Phú Lâm	Phú Lâm	4,17	
279	Đường Năm Tấn A	Phú Lâm	1,66	
280	Đường Phù Đồng 2	Phú Lâm	0,43	
281	Đường Phú Thanh - Thanh Trung	Phú Lâm	1,87	
282	Đường Phương Lâm	Phú Lâm	0,68	
283	Đường Phương Mai	Phú Lâm	3,33	
284	Đường số 1	Phú Lâm	1,70	
285	Đường số 2	Phú Lâm	0,79	
286	Đường số 3	Phú Lâm	1,34	
287	Đường số 4	Phú Lâm	0,58	
288	Đường số 5	Phú Lâm	0,69	
289	Đường số 6	Phú Lâm	3,53	
290	Đường số 7	Phú Lâm	0,52	
291	Đường số 8	Phú Lâm	0,83	
292	Đường số 9	Phú Lâm	1,07	
293	Đường Sony (nối dài)	Phú Lâm	1,60	
294	Đường Thanh Thọ 2 - Phương Mai	Phú Lâm	2,98	
295	Đường Thanh Thọ 2 - Phương Mai 1	Phú Lâm	1,53	
296	Đường Phù Đồng	Phú Lâm	1,21	
297	Đường Phương Mai nối dài	Phú Lâm	0,62	
298	Đường ấp 02-07	Phú Lập	3,58	
299	Đường ấp 04-05	Phú Lập	2,40	
300	Đường nhà cộng đồng ấp 4	Phú Lập	0,26	
301	Đường 01-07	Phú Lập	2,53	
302	Đường 5 Sài Gòn	Phú Lập	0,60	
303	Đường ấp 01 đi ấp 02	Phú Lập	0,54	
304	Đường ấp 1	Phú Lập	0,68	
305	Đường ấp 3-4	Phú Lập	1,49	
306	Đường ấp 3-5	Phú Lập	1,58	
307	Đường ấp 4A	Phú Lập	0,34	
308	Đường ấp 4B	Phú Lập	0,33	
309	Đường ấp 6	Phú Lập	2,75	
310	Đường Ba Sáu Chà	Phú Lập	0,85	
311	Đường Bàu Mã	Phú Lập	4,04	
312	Đường Bàu Sấu	Phú Lập	0,58	
313	Đường cấp phối ấp 02-03	Phú Lập	3,80	
314	Đường cấp phối ấp 04	Phú Lập	0,34	
315	Đường cấp phối ấp 06	Phú Lập	0,63	

Thứ tự	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích (ha)	Ghi chú
316	Đường Km 11	Phú Lập	2,97	
317	Đường KM 11,5	Phú Lập	0,63	
318	Đường Km 12	Phú Lập	2,00	
319	Đường Láng Bò (mở rộng)	Phú Lập	1,24	
320	Đường liên ấp 1, 3	Phú Lập	6,34	
321	Đường nhà cộng đồng ấp 2	Phú Lập	0,84	
322	Đường ông Hai Khoai	Phú Lập	0,69	
323	Đường ông Năm Long	Phú Lập	1,46	
324	Đường ông Tám già	Phú Lập	0,82	
325	Đường Be 128	Phú Lộc	6,04	
326	Đường D1	Phú Lộc	3,90	
327	Đường D2	Phú Lộc	0,64	
328	Đường D3	Phú Lộc	0,59	
329	Đường D4	Phú Lộc	2,07	
330	Đường D4	Phú Lộc	1,13	
331	Đường N1	Phú Lộc	1,62	
332	Đường N2	Phú Lộc	1,41	
333	Đường N3	Phú Lộc	3,13	
334	Đường vào Ban chỉ huy quân sự	Phú Lộc	0,04	
335	Đường nối đường D1 và đường D2	Phú Lộc	0,17	
336	Đường ấp 5 đi ấp 6 (mở rộng)	Phú Sơn	0,65	
337	Đường be 138 (mở rộng)	Phú Sơn	2,19	
338	Đường be 141 (mở rộng)	Phú Sơn	0,75	
339	Đường Cầu Khỉ (mở rộng)	Phú Sơn	0,85	
340	Đường Hang Cọp (mở rộng)	Phú Sơn	0,80	
341	Đường hông chợ 138	Phú Sơn	0,64	
342	Đường liên ấp (mở rộng)	Phú Sơn	7,70	
343	Đường sau Ủy ban xã	Phú Sơn	0,45	
344	Đường số 1 (mở rộng)	Phú Sơn	0,34	
345	Đường số 10 (mở rộng)	Phú Sơn	0,47	
346	Đường số 11 (mở rộng)	Phú Sơn	0,36	
347	Đường số 12 (mở rộng)	Phú Sơn	1,38	
348	Đường số 14	Phú Sơn	2,87	
349	Đường số 15	Phú Sơn	0,71	
350	Đường số 16	Phú Sơn	1,89	
351	Đường số 17	Phú Sơn	1,12	
352	Đường số 2 (mở rộng)	Phú Sơn	0,60	
353	Đường số 3 (mở rộng)	Phú Sơn	0,71	
354	Đường số 4 (mở rộng)	Phú Sơn	1,98	

Thứ tự	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích (ha)	Ghi chú
355	Đường số 6 (mở rộng)	Phú Sơn	0,26	
356	Đường số 8	Phú Sơn	0,32	
357	Đường thác con nai (mở rộng)	Phú Sơn	0,80	
358	Đường trạm xá	Phú Sơn	0,52	
359	Đường Bầu Rừng	Phú Thanh	3,67	
360	Đường be 128	Phú Thanh	5,16	
361	Đường be 129	Phú Thanh	18,00	
362	Đường be 130 (mở rộng)	Phú Thanh	3,29	
363	Đường Cắt Kính (mở rộng)	Phú Thanh	1,34	
364	Đường Cầu Suối	Phú Thanh	0,50	
365	Đường dân sinh	Phú Thanh	1,54	
366	Đường Đồng Dâu	Phú Thanh	4,44	
367	Đường Giang Điền	Phú Thanh	4,60	
368	Đường khu 7 (mở rộng)	Phú Thanh	1,37	
369	Đường Ngọc Lâm 1	Phú Thanh	0,38	
370	Đường nhánh 5 Tấn	Phú Thanh	4,11	
371	Đường nội đồng Đồng Dâu N6-11	Phú Thanh	0,68	
372	Đường nội đồng Đồng Dâu N6-2	Phú Thanh	0,16	
373	Đường nội đồng Đồng Dâu N6-5	Phú Thanh	0,42	
374	Đường nội đồng Đồng Dâu N6-8	Phú Thanh	0,45	
375	Đường nội đồng Giang Điền	Phú Thanh	1,09	
376	Đường nội đồng Giang Điền 1	Phú Thanh	1,27	
377	Đường nội đồng Giang Điền 2	Phú Thanh	0,88	
378	Đường nội đồng Giang Điền 3	Phú Thanh	0,79	
379	Đường Phú Thanh - Phú Điền	Phú Thanh	2,10	
380	Đường số 4 Ngọc Lâm	Phú Thanh	0,23	
381	Đường tổ 13 Ngọc Lâm	Phú Thanh	0,85	
382	Đường Tổ 3 ấp 6	Phú Thịnh	1,53	
383	Đường Tổ 4 - 7 ấp 6	Phú Thịnh	1,40	
384	Đường D1	Phú Thịnh	1,78	
385	Đường D2 (ấp 10)	Phú Thịnh	2,84	
386	Đường N1 (đường Bầu cá rô)	Phú Thịnh	3,97	
387	Đường N2 (đường Km 8,5)	Phú Thịnh	5,00	
388	Đường N3 (đường Km 7,5)	Phú Thịnh	7,07	
389	Đường N4 (đường Km số 7)	Phú Thịnh	4,81	
390	Đường Năm Rươi	Phú Thịnh	9,92	
391	Đường ngõ xóm	Phú Thịnh	3,91	
392	Đường Tổ 4 - 7 ấp 6	Phú Thịnh	1,18	
393	Đường Tổ 4 - 7 ấp 6	Phú Thịnh	0,40	

Thứ tự	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích (ha)	Ghi chú
394	Đường ông Trung đến Dương Chí Dũng	Phú Thịnh	0,53	
395	Đường Tư Răn đi Lý A Dường	Phú Thịnh	0,77	
396	Đường ông Sắt	Phú Thịnh	0,24	
397	Đường ông Sáu Sang	Phú Thịnh	0,50	
398	Đường Kênh Tiêu	Phú Thịnh	0,20	
399	Đường ấp Phú Thạch	Phú Trung	2,90	
400	Đường Bình Trung 2	Phú Trung	2,54	
401	Đường Bình Trung 2	Phú Trung	0,53	
402	Đường liên ấp Phú Lợi - Phú Thắng	Phú Trung	1,75	
403	Đường nội ấp Phú Yên-Phú Thắng (mở rộng)	Phú Trung	2,24	
404	Đường ông Trác	Phú Trung	1,55	
405	Đường Phú Thạch - Phú Ngọc	Phú Trung	2,11	
406	Đường Phú Thạch 1	Phú Trung	1,89	
407	Đường Phú Thạch 2	Phú Trung	2,20	
408	Đường Phú Yên	Phú Trung	1,03	
409	Đường Phú Yên 2	Phú Trung	0,79	
410	Đường be 131	Phú Xuân	3,29	
411	Đường Huỳnh Tấn Phát	Phú Xuân	1,60	
412	Đường Be 128	Phú Xuân	7,00	
413	Đường giáo xứ Ngọc Lâm - Nghĩa trang	Phú Xuân	0,25	
414	Đường Nguyễn Hữu Cảnh (nối dài)	Phú Xuân	2,30	
415	Đường ấp 2-2	Tà Lài	3,83	
416	Đường be ấp 5 đi ấp 1/1	Tà Lài	0,34	
417	Đường D1	Tà Lài	4,39	
418	Đường D2	Tà Lài	2,75	
419	Đường D2	Tà Lài	11,29	
420	Đường Đồi ấp 2	Tà Lài	2,36	
421	Đường Láng Bò (mở rộng)	Tà Lài	5,24	
422	Đường Lý A Tắc	Tà Lài	0,25	
423	Đường N1	Tà Lài	1,58	
424	Đường N2	Tà Lài	9,12	
425	Đường nội đồng	Tà Lài	2,69	
426	Đường số 2 ấp 3	Tà Lài	5,05	
427	Đường Suối Lục Bình	Tà Lài	0,71	
428	Đường Tà Lài - Núi Tượng	Tà Lài	5,09	
429	Đường vào nhà đón khách cộng đồng	Tà Lài	0,12	
430	Đường vào đập Vàm Hô	Tà Lài	3,58	
431	Hẻm 136 đường Láng Bò ấp 3	Tà Lài	0,55	
432	Đường ông Dương	Tà Lài	0,35	

Thứ tự	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích (ha)	Ghi chú
433	Hẻm 48 đường Bầu Tre ấp 2	Tà Lài	0,49	
434	Đường ông Ước	Tà Lài	0,50	
435	Hẻm 72 đường Láng Bò	Tà Lài	0,62	
436	Đường số 3	Tà Lài	0,81	
437	Đường cấp phối	Thanh Sơn	0,90	
438	Đường Đa Tôn - Thanh Quang	Thanh Sơn	0,42	
439	Đường dân sinh	Thanh Sơn	0,34	
440	Đường Kênh N2	Thanh Sơn	2,86	
441	Đường khu trung tâm xã	Thanh Sơn	10,49	
442	Đường Ông Độ	Thanh Sơn	1,67	
443	Đường số 1	Thanh Sơn	6,06	
444	Đường số 3	Thanh Sơn	1,48	
445	Đường số 4	Thanh Sơn	0,75	
446	Đường Suối Đá	Thanh Sơn	3,66	
447	Đường tổ 3 Suối đá	Thanh Sơn	0,64	
448	Đường trục ấp số 2	Thanh Sơn	0,83	
449	Đường trục ấp số 5	Thanh Sơn	0,71	
450	Đường trục ấp số 6	Thanh Sơn	1,07	
451	Đường trục ấp số 7	Thanh Sơn	3,38	
452	Đường trục ấp số 8	Thanh Sơn	0,52	
453	Đường trục xã 2	Thanh Sơn	1,06	
454	Đường vào nhà máy cấp nước tập trung	Thanh Sơn	0,01	
455	Đường 2-4C	Trà Cỏ	1,46	
456	Đường ấp 03-04	Trà Cỏ	3,01	
457	Đường ấp 05-06	Trà Cỏ	5,30	
458	Đường Ba rẫy	Trà Cỏ	3,21	
459	Đường Bầu MIN	Trà Cỏ	1,65	
460	Đường be Năm rô	Trà Cỏ	0,47	
461	Đường be Tám Nét	Trà Cỏ	3,06	
462	Đường Cây Sung	Trà Cỏ	1,75	
463	Đường Hai Răng (mở rộng)	Trà Cỏ	0,43	
464	Đường Hàng Gòn	Trà Cỏ	3,17	
465	Đường khu trung tâm xã Trà Cỏ	Trà Cỏ	5,03	
466	Đường nhà văn hóa ấp 1	Trà Cỏ	0,92	
467	Đường ông ba Tâm (Suối Mọi B)	Trà Cỏ	2,91	
468	Đường số 1 (ấp 1 - ấp 4)	Trà Cỏ	2,91	
469	Đường số 2 (ấp 1)	Trà Cỏ	3,06	
470	Đường Trương Công Định	Trà Cỏ	1,88	
471	Đường D1b	TT. Tân Phú	2,32	

Thứ tự	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích (ha)	Ghi chú
472	Đường Hà Huy Tập	TT. Tân Phú	0,50	
473	Đường Hùng Vương	TT. Tân Phú	8,50	
474	Đường Huỳnh Văn Nghệ	TT. Tân Phú	4,57	
475	Đường D1a	TT. Tân Phú	1,50	
476	Đường D1	TT. Tân Phú	1,50	
477	Đường D2	TT. Tân Phú	1,50	
478	Đường D3	TT. Tân Phú	2,21	
479	Đường D4	TT. Tân Phú	1,59	
480	Đường D5	TT. Tân Phú	0,28	
481	Đường D6	TT. Tân Phú	0,49	
482	Đường bên hông Trung tâm Văn hóa	TT. Tân Phú	0,29	
483	Đường D7	TT. Tân Phú	0,22	
484	Đường Lê Đại Hành	TT. Tân Phú	11,70	
485	Đường N1	TT. Tân Phú	0,80	
486	Đường N2	TT. Tân Phú	0,99	
487	Đường N3	TT. Tân Phú	0,52	
488	Đường N4	TT. Tân Phú	1,12	
489	Đường Lê Quý Đôn	TT. Tân Phú	0,35	
490	Đường Lương Thế Vinh	TT. Tân Phú	0,41	
491	Đường Lý Thường Kiệt	TT. Tân Phú	2,25	
492	Đường Mạc Đĩnh Chi	TT. Tân Phú	0,14	
493	Đường Nguyễn Chí Thanh	TT. Tân Phú	1,84	
494	Đường Nguyễn Đình Chiểu	TT. Tân Phú	0,92	
495	Đường Nguyễn Du	TT. Tân Phú	2,99	
496	Đường Trần Thượng Xuyên	TT. Tân Phú	0,78	
497	Đường Nguyễn Thượng Hiền	TT. Tân Phú	0,67	
498	Đường Nguyễn Tri Phương	TT. Tân Phú	13,56	
499	Đường Nguyễn Văn Cừ	TT. Tân Phú	4,60	
500	Đường Phạm Ngọc Thạch	TT. Tân Phú	1,20	
501	Đường Trần Quốc Toản	TT. Tân Phú	0,93	
502	Đường Nguyễn Văn Linh	TT. Tân Phú	4,05	
503	Đường Nguyễn Tất Thành	TT. Tân Phú	3,97	
	9.7. Đất thủy lợi			
	* Hệ thống cung cấp nước tập trung			
504	Hệ thống cấp nước tập trung Núi Tượng bổ sung cho Phú Lập - Tà Lài (gđ1)	Núi Tượng	0,41	
505	Hệ thống cấp nước tập trung xã Phú Lâm (ấp Phương Mai 1)	Phú Lâm	0,06	

Thứ tự	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích (ha)	Ghi chú
506	Hệ thống cấp nước tập trung xã Phú Sơn (ấp Phú Lâm 2)	Phú Sơn	0,25	
507	Hệ thống cấp nước tập trung xã Phú Thanh (ấp Ngọc Lâm 1)	Phú Thanh	0,18	
508	Hệ thống cấp nước tập trung xã Phú Trung (ấp Phú Yên)	Phú Trung	0,22	
509	Hệ thống cấp nước tập trung xã Tà Lại (ấp 4)	Tà Lại	0,01	
510	Hệ thống cấp nước tập trung xã Thanh Sơn (ấp Đa Tôn)	Thanh Sơn	0,12	
	* Nhà máy, Trạm cấp nước, trạm tăng áp			
511	Trạm bơm dã chiến ấp 3	Đắc Lua	0,35	
512	Trạm bơm già chiến ấp 2	Đắc Lua	0,20	
513	Trạm bơm ấp 7	Đắc Lua	1,00	
514	Tháp nước ấp 5	Nam Cát Tiên	0,01	
515	Trạm bơm ấp 2	Nam Cát Tiên	0,10	
516	Trạm bơm ấp 2 - 1	Nam Cát Tiên	0,05	
517	Trạm bơm ấp 3	Nam Cát Tiên	0,08	
518	Trạm bơm ấp 5	Nam Cát Tiên	0,02	
519	Trạm cấp nước sạch ấp 3	Núi Tượng	0,07	
520	Trạm bơm ấp 4	Núi Tượng	0,05	
521	Trạm bơm ấp 3	Phú An	0,06	
522	Trạm bơm bến thuyền (ấp Phú Hợp B)	Phú Bình	0,03	
523	Trạm bơm già chiến 1 (ấp 5)	Phú Điền	0,01	
524	Trạm bơm già chiến 2 (ấp 5)	Phú Điền	0,02	
525	Trạm cung cấp nước sạch ấp Phương Lâm	Phú Lâm	0,05	
526	Trạm cung cấp nước sạch ấp 4	Phú Lộc	0,11	
527	Trạm trung chuyển ấp 1	Phú Lộc	0,26	
528	Trạm bơm Giang Điền và hệ thống kênh mương (ấp Bàu Mây)	Phú Thanh	9,00	
529	Trạm cấp nước số 2 (ấp Thọ Lâm 2)	Phú Thanh	0,04	
530	Trạm bơm ấp Thanh Thọ	Phú Xuân	0,10	
531	Trạm cấp nước ấp Bàu Chim	Phú Xuân	0,10	
532	Trạm cấp nước ấp Ngọc Lâm 2	Phú Xuân	0,11	
533	Trạm cấp nước ấp Thọ Lâm	Phú Xuân	0,18	
534	Trạm bơm Phú Lộc	Phú Thịnh	0,18	
535	Hồ Phú Thịnh	Phú Thịnh	18,20	
536	Trạm bơm Tà Lại và hệ thống kênh mương (ấp 4)	Tà Lại	2,14	
537	Trạm bơm Tà Lại (ấp 3)	Tà Lại	0,49	
538	Tháp nước (khu phố 7)	TT. Tân Phú	0,02	
539	Trạm bơm tăng áp	TT. Tân Phú	0,20	

Thứ tự	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích (ha)	Ghi chú
	* Trạm Bơm, Kênh mương			
540	Trạm bơm Đắc Lua và hệ thống kênh mương (ấp 1, 2)	Đắc Lua	27,50	
541	Kênh ấp 5	Nam Cát Tiên	0,38	
542	Kênh ấp 3	Nam Cát Tiên	0,66	
543	Kênh ấp 2	Nam Cát Tiên	0,03	
544	Kênh ấp 4	Núi Tượng	12,90	
545	Hệ thống thoát nước đường Núi Tượng - Nam Cát Tiên	Núi Tượng	0,13	
546	Kênh ấp 3	Phú An	0,41	
547	Kênh nội đồng (ấp Phú hợp B)	Phú Bình	5,59	
548	Kênh C2 (ấp 5)	Phú Điền	0,23	
549	Kênh cấp 2 (ấp 5)	Phú Điền	0,06	
550	Kênh cấp 2a (ấp 5)	Phú Điền	0,15	
551	Kênh N - 2 tuyến 5 (ấp 5)	Phú Điền	0,64	
552	Kênh N1 (ấp 5)	Phú Điền	0,60	
553	Tuyến mương nước (ấp 4)	Phú Điền	0,02	
554	Kênh cặp đường Phú Thanh - Phú Điền	Phú Thanh	0,17	
555	Kênh N6 - 12 (ấp Thọ Lâm 2)	Phú Thanh	0,15	
556	Kênh thoát lũ (ấp Thọ Lâm 2)	Phú Thanh	4,89	
557	Kênh, trạm bơm ấp 1	Phú Thịnh	5,00	
558	Kênh dẫn nước ấp Ngọc Lâm 2	Phú Xuân	0,67	
559	Kênh Thọ Lâm	Phú Xuân	0,14	
560	Kênh thủy lợi ấp Thanh Trung	Thanh Sơn	0,30	
561	Kênh thủy lợi ấp Thanh Lâm	Thanh Sơn	0,28	
562	Mương tiêu nước cánh đồng Ông Lợi	Thanh Sơn	0,06	
563	Kênh tạo nguồn Thanh Sơn	Thanh Sơn	1,00	
	* Công trình đập thủy lợi			
564	Đập tràn ấp 2	Phú An	0,32	
565	Dự án chống sạt lở dọc sông Đồng Nai (ấp 4)	Nam Cát Tiên	0,25	
566	Đê bao Suối Cầu trắng (ấp Thọ Lâm 2)	Phú Thanh	3,00	
567	Đập tràn Singapor	Núi Tượng	0,03	
568	Đập tràn Núi Tượng - Tà Lài	Núi Tượng, Tà Lài	0,04	
	9.8. Đất công trình năng lượng			
569	Đường dây 110 kV 2 mạch từ trạm 110 kV Núi Tượng chuyển tiếp ĐZ Định Quán - Tân Phú	Các xã	0,45	
570	ĐZ 220kV mạch hai Sông Mây - Bảo Lộc	Các xã	20,00	

Thứ tự	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích (ha)	Ghi chú
571	ĐZ hai mạch từ trạm 110kV KCN Tân Phú chuyển tiếp trên đường dây Định Quán - Tân Phú	Các xã	3,00	
572	Trạm BA 110 kV	Phú Thịnh	0,46	
573	Trạm BA 110kV KCN Tân Phú	TT. Tân Phú	0,40	
	9.9. Đất chợ			
574	Chợ Núi Tượng (mở rộng)	Núi Tượng	0,40	
575	Chợ Phú Lập (mở rộng)	Phú Lập	0,65	
576	Chợ Phú Lộc (mở rộng)	Phú Lộc	0,43	
577	Chợ Phú Thịnh	Phú Thịnh	0,12	
578	Chợ Phú Trung	Phú Trung	0,50	
579	Chợ ấp 5	Tà Lài	0,70	
	10. Đất danh lam thắng cảnh			
580	Khu di tích Danh Thắng Thác Hòa Bình - chùa Linh Phú (ấp Phú Lâm 3)	Phú Sơn	30,58	
	11. Đất di tích lịch sử văn hóa			
581	Di tích ngục Tà Lài (ấp 5)	Tà Lài	0,10	
582	Đền thờ vua Hùng (ấp Phú Lâm 1)	Phú Sơn	11,30	
	12. Đất bãi thải và xử lý chất thải			
583	Trạm trung chuyển rác	Đắc Lua	0,09	
584	Trạm trung chuyển rác	Núi Tượng	0,07	
585	Trạm trung chuyển rác (ấp 4)	Phú An	0,05	
586	Trạm trung chuyển rác	Phú Bình	0,20	
587	Trạm trung chuyển rác	Phú Điền	0,10	
588	Trạm trung chuyển rác (ấp 4)	Phú Lộc	0,04	
589	Trạm trung chuyển rác (ấp Phú Lâm 1)	Phú Sơn	0,57	
590	Trạm trung chuyển rác	Phú Thịnh	0,15	
591	Trạm trung chuyển rác (ấp Thanh Lâm)	Thanh Sơn	0,10	
592	Trạm trung chuyển rác	Trà Cổ	0,10	
593	Trạm trung chuyển rác	Phú Lâm	0,03	
594	Trạm trung chuyển rác	Phú Xuân	0,05	
595	Trạm trung chuyển rác	Phú Thanh	0,10	
596	Bãi chứa đất thừa phục vụ dự án đường Cao tốc Dầu Giây - Đà Lạt	Phú Thanh	0,90	
597	Bãi chứa đất thừa phục vụ dự án đường Cao tốc Dầu Giây - Đà Lạt	Phú Điền	0,50	
598	Bãi chứa đất thừa phục vụ dự án đường Cao tốc Dầu Giây - Đà Lạt	Phú Thanh	5,00	
599	Bãi chứa đất thừa phục vụ dự án đường Cao tốc Dầu Giây - Đà Lạt	Phú Bình	1,10	
600	Bãi chứa đất thừa phục vụ dự án đường Cao tốc Dầu Giây - Đà Lạt	Phú Trung	1,50	

Thứ tự	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích (ha)	Ghi chú
601	Trạm trung chuyển rác	Phú Trung	0,07	
602	Nhà máy xử lý rác thải huyện	Phú An	20,74	
603	Trạm trung chuyển rác	Tà Lại	0,06	
	13. Đất ở			
	a. Khu tái định cư			
604	Khu Tái định cư mới - 1	TT. Tân Phú	7,60	
605	Khu Tái định cư mới - 2	TT. Tân Phú	7,75	
	b. Nhà ở cho công nhân, nhà xã hội, cho người có thu nhập thấp			
606	Khu dân cư cụm CN Phú Bình	Phú Bình	11,00	
607	Khu dân cư kết hợp thương mại	TT. Tân Phú	55,00	
	c. Khu đồng bào dân tộc			
608	Khu đồng bào dân tộc xã Phú Bình (ấp Phú Hợp A)	Phú Bình	7,95	
	d. Điểm dân cư nông thôn			
609	Điểm dân cư tại xã Đắc Lua (4 điểm)	Đắc Lua	78,45	
610	Điểm dân cư tại xã Nam Cát Tiên (5 điểm)	Nam Cát Tiên	136,44	
611	Điểm dân cư tại xã Núi Tượng (3 điểm)	Núi Tượng	64,83	
612	Điểm dân cư tại xã Phú An (6 điểm)	Phú An	150,68	
613	Điểm dân cư tại Phú Bình (4 điểm)	Phú Bình	187,00	
614	Điểm dân cư tại Phú Điền (3 điểm)	Phú Điền	139,00	
615	Điểm dân cư tại xã Phú Lâm (2 điểm)	Phú Lâm	250,00	
616	Điểm dân cư tại Phú Lập (3 điểm)	Phú Lập	96,00	
617	Điểm dân cư tại Phú Lộc (4 điểm)	Phú Lộc	168,00	
618	Điểm dân cư tại xã Phú Sơn (4 điểm)	Phú Sơn	123,22	
619	Điểm dân cư tại xã Phú Thanh (3 điểm)	Phú Thanh	189,48	
620	Điểm dân cư tại Phú Thịnh (2 điểm)	Phú Thịnh	152,80	
621	Điểm dân cư tại Phú Trung (5 điểm)	Phú Trung	167,29	
622	Điểm dân cư tại Phú Xuân (5 điểm)	Phú Xuân	153,51	
623	Điểm dân cư tại xã Tà Lại (4 điểm)	Tà Lại	104,59	
624	Điểm dân cư tại Thanh Sơn (5 điểm)	Thanh Sơn	56,25	
625	Điểm dân cư tại Trà Cỏ (8 điểm)	Trà Cỏ	156,23	
	14. Đất xây dựng trụ sở cơ quan			
626	Trụ sở BCHQS xã (ấp 4)	Phú Điền	0,14	
627	Trụ sở BCHQS xã (ấp 1)	Phú Lộc	0,10	
628	Trụ sở BCHQS xã (ấp Ngọc Lâm 2)	Phú Xuân	0,09	
629	Trụ sở công an xã (ấp 2)	Phú An	0,15	
630	Trụ sở công an xã (ấp Phương Lâm)	Phú Lâm	0,10	
631	Trụ sở công an xã (ấp 4)	Phú Lập	0,11	

Thứ tự	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích (ha)	Ghi chú
632	Trụ sở công an xã (ấp 1)	Phú Lộc	0,10	
633	Trụ sở công an xã (ấp Phú Lâm 2)	Phú Sơn	0,10	
634	Trụ sở công an xã (ấp Thọ Lâm 2)	Phú Thanh	0,19	
635	Trụ sở công an xã (ấp 5)	Phú Thịnh	0,10	
636	Trụ sở công an xã (Ấp Phú Yên)	Phú Trung	0,13	
637	Trụ sở công an xã (ấp Ngọc Lâm 2)	Phú Xuân	0,11	
638	Trụ sở công an xã (ấp Đa Tôn)	Thanh Sơn	0,23	
639	Trụ sở công an xã (ấp 1)	Trà Cỏ	0,20	
640	Hội trường UBND xã (ấp 3)	Núi Tượng	0,07	
641	Trụ sở Công an xã	Núi Tượng	0,20	
642	Khu khuyến học (ấp 2)	Phú An	0,60	
643	Đội thuế khu vực IV (ấp 4)	Phú Lập	0,06	
644	Trụ sở UBND xã (ấp Ngọc Lâm 2)	Phú Xuân	1,00	
645	Khu trung tâm xã (ấp 5)	Tà Lại	1,56	
646	Trụ sở UBND xã Phú Bình	Phú Bình	0,70	
647	Trụ sở tòa án nhân dân huyện	TT. Tân Phú	0,50	
648	Đất trụ sở cơ quan	TT. Tân Phú	0,09	
	15. Đất xây dựng công trình sự nghiệp			
649	Trạm khuyến nông (ấp 3)	Núi Tượng	0,03	
650	Trụ sở Bảo vệ thực vật (khu phố 9)	TT. Tân Phú	0,01	
651	Trạm giống lâm nghiệp La Ngà	TT. Tân Phú	0,12	
652	Ngân hàng Chính sách xã hội (Mở rộng)	TT. Tân Phú	0,01	
	16. Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa			
653	Nghĩa trang ấp 6 (mở rộng)	Đắc Lua	0,45	
654	Nghĩa trang ấp 7 (mở rộng)	Đắc Lua	1,27	
655	Nghĩa trang xã	Nam Cát Tiên	3,00	
656	Nghĩa trang ấp 2 (mở rộng)	Núi Tượng	2,84	
657	Nghĩa trang xã (mở rộng)	Phú Lâm	6,50	
658	Nghĩa trang xã (ấp 4)	Phú Lập	3,00	
659	Nghĩa trang xã	Phú Lộc	0,76	
660	Nghĩa trang giáo xứ Phú Lâm	Phú Sơn	3,32	
661	Nghĩa trang Phật giáo xã Phú Sơn	Phú Sơn	3,28	
662	Nghĩa trang xã Phú Thanh (mở rộng)	Phú Thanh	6,00	
663	Nghĩa trang xã (mở rộng)	Phú Thịnh	1,21	
664	Nghĩa trang xã (mở rộng)	Phú Trung	0,45	
665	Nghĩa trang ấp Phú Thắng mở rộng	Phú Trung	0,81	
666	Nghĩa trang Ngọc Lâm 3	Phú Xuân	1,01	
667	Nghĩa trang xã (ấp Bàu Chim)	Phú Xuân	3,00	
668	Nghĩa trang Ngọc Lâm mở rộng	Phú Xuân	1,34	

Thứ tự	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích (ha)	Ghi chú
669	Nghĩa trang xã (ấp Thanh Trung)	Thanh Sơn	2,52	
	17. Đất sinh hoạt công đồng			
670	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 3 (điểm 1)	Đắc Lua	0,05	
671	Nhà văn hóa ấp 6	Đắc Lua	0,58	
672	Nhà văn hóa ấp 7	Đắc Lua	0,25	
673	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 3	Nam Cát Tiên	0,27	
674	Nhà văn hóa thể thao ấp 5 mở rộng	Nam Cát Tiên	0,06	
675	Nhà văn hóa ấp 1 mở rộng	Nam Cát Tiên	0,10	
676	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp 3	Núi Tượng	0,14	
677	Nhà văn hóa kết hợp sân thể thao ấp 1 (mở rộng)	Núi Tượng	0,06	
678	Nhà văn hóa kết hợp sân thể thao ấp 2	Núi Tượng	0,05	
679	Nhà văn hóa kết hợp sân thể thao ấp 4 (mở rộng)	Núi Tượng	0,05	
680	Nhà văn hóa kết hợp sân thể thao ấp 3	Phú An	0,10	
681	Nhà văn hóa ấp 2 mở rộng	Phú An	0,10	
682	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Phú Dũng	Phú Bình	0,05	
683	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp 3	Phú Điền	0,05	
684	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp 5	Phú Lập	0,05	
685	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp 3 (mở rộng - điểm 1)	Phú Lập	0,06	
686	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 3 (mở rộng - điểm 2)	Phú Lập	0,09	
687	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp 4 (mở rộng - điểm 1)	Phú Lập	0,05	
688	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp 4 (điểm 2)	Phú Lập	0,06	
689	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp Phú Lâm 3	Phú Sơn	0,04	
690	Nhà văn hóa kết hợp Khu thể thao ấp Ngọc Lâm 1 (điểm 1)	Phú Thanh	0,17	
691	Nhà văn hóa kết hợp Khu thể thao ấp Ngọc Lâm 1 (điểm 2)	Phú Thanh	0,16	
692	Nhà văn hóa kết hợp Khu thể thao ấp Ngọc Lâm 2	Phú Thanh	0,05	
693	Nhà văn hóa kết hợp Khu thể thao ấp Thọ Lâm 1 (điểm 1)	Phú Thanh	0,23	
694	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Bàu Mây (mở rộng - điểm 2)	Phú Thanh	0,05	
695	Nhà văn hóa kết hợp khu thể thao ấp Phú Thắng	Phú Trung	0,03	
696	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Phú Lợi	Phú Trung	0,04	

Thứ tự	Tên công trình, dự án	Địa điểm (xã, thị trấn)	Diện tích (ha)	Ghi chú
697	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp Thọ Lâm	Phú Xuân	0,04	
698	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 5	Tà Lại	0,06	
699	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 1 (điểm 2)	Tà Lại	0,10	
700	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 3 (điểm 2)	Tà Lại	0,08	
701	Nhà văn hóa kết hợp trụ sở làm việc ấp 4	Tà Lại	0,09	
702	Văn phòng Khu phố 8	TT. Tân Phú	0,01	
703	Văn phòng Khu phố 7	TT. Tân Phú	0,02	
704	Văn phòng Khu phố 2	TT. Tân Phú	0,02	
	18. Đất mặt nước chuyên dùng			
705	Hồ dự trữ nước Phòng cháy chữa cháy (ấp Phú Lợi)	Phú Trung	0,78	
	19. Đất khu vui chơi, giải trí công cộng			
706	Công viên trung tâm khu ở 6	TT. Tân Phú	4,40	
707	Công viên trung tâm khu ở 1	TT. Tân Phú	1,55	
708	Công viên trung tâm khu ở 2	TT. Tân Phú	1,88	
709	Công viên trung tâm khu ở 3	TT. Tân Phú	0,19	
710	Công viên trung tâm khu ở 4	TT. Tân Phú	0,21	
711	Công viên trung tâm	TT. Tân Phú	12,00	
712	Công viên cây xanh	Phú Điền	0,94	
713	Công viên trung tâm xã	Nam Cát Tiên	0,50	
	20. Đất kênh, ngòi, sông rạch, suối			
714	Nạo vét Suối Đa Tôn	Phú Thanh, Phú Lâm, Thanh Sơn	18,80	